

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2021/DS-PT

Ngày: 12 - 7 - 2021

V/v tranh chấp nghĩa vụ trả tiền theo  
hợp đồng xây dựng và tranh chấp bồi  
thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Công Phương

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân.

Bà Đỗ Thị Thắm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Nguyên Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Bà Lữ Thị Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng xây dựng và tranh chấp bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2021/DS- ST ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phốQ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 126/2021/QĐ-PT ngày 04/5/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Văn Ồ (Đỗ Ngọc Hùng); cư trú tại: Tổ 1, khu vực 8, phường Nhơn Phú, thành phốQ, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Nguyễn Văn Hi (chết ngày 18/6/2021) và bà Phạm Thị Thanh N; cư trú tại: Số 10 đường Lý Thái Tổ, thành phốQ, tỉnh Bình Định.

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Hi:*

- Ông Nguyễn Thái H

- Ông Nguyễn Thái B

Cùng cư trú tại: Số 10 đường Lý Thái Tổ, thành phốQ, tỉnh Bình Định.

*Người làm chứng:* Bà Đỗ Thị Ngọc L – Giám đốc Công ty TNHH tự vấn thiết kế xây dựng Hoàng Nm, cư trú tại: Số 70/17 đường Hàn Mặc Tử, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn Hi và bà Phạm Thị Thanh N là bị đơn trong vụ án

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Đỗ Văn O trình bày:*

Tháng 3/2012, ông và vợ chồng ông Hi, bà N có ký hợp đồng xây dựng nhà ở có nội dung ông Hi, bà N giao cho ông xây dựng nhà số 10 đường Lý Thái Tổ, thuộc tổ 24A, khu vực 5, phường C, thành phố Q, tổng diện tích nhà  $75m^2$  ( $5m^2 \times 15m^2$ ) phía trước (mặt đường Lý Thái Tổ) là  $35m^2$  nhà cấp 4A, phía sau nhà cấp 4 đã cũ có diện tích  $40m^2$ .

Theo hợp đồng hai bên thỏa thuận: Giữ lại phần móng nhà phía trước  $35m^2$ , đối với phần nhà phía sau  $40m^2$  thì xây mới hoàn toàn: Đúc chân đế để thêm 6 trụ phía sau. Diện tích xây dựng tạm tính là  $177m^2 \times 550.000$  đồng/ $m^2$ , nhà đổ 2 mê trên xây đổ chuồng cu, tiền đập phá tháo dỡ là 6.000.000 đồng; Tầng 1: Đúc chân và đổ 4 trụ, xây móng, xây tường, đúc cầu thang, đúc đan bếp, ốp phía trên mặt bếp; xây ốp nhà vệ sinh; Tầng 2: Đúc trụ xây, đúc mê tầng 2, đúc cầu thang, xây đúc chuồng cu, xây 03 phòng, xây ốp 01 toilet, đóng gạch toàn bộ các nền nhà, đập phá tháo dỡ toàn bộ nhà cũ. Ngoài những công việc làm trên sau này làm thêm gì phải tính tiền phát sinh. Phương thức thanh toán chia làm 05 lần (thanh toán theo khối lượng thực tế đã làm). Lần 1: Tháo dỡ, đổ chân đế, xây móng, đổ giằng ứng 20.000.000 đồng. Lần 2: Đổ mê tầng 1 ứng 20.000.000 đồng. Lần 3: Xây đổ mê tầng 2 ứng 20.000.000 đồng. Lần 4: Xây đổ chuồng cu và tô tầng 2 ứng 20.000.000 đồng. Lần 5: Hoàn thành xong nhà bàn giao sau một ngày thanh toán hết số tiền còn lại. Thời gian thực hiện trong 3 tháng kể từ ngày xuống móng. Hợp đồng do ông viết, hai bên thống nhất với nội dung và ký xác nhận vào hợp đồng. Khi đến làm ông hỏi bà N có nhất thiết không? Bà N nói chủ yếu vẽ đại khái để xin giấy phép xây dựng nhà chứ không cần thiết. Ông có giới thiệu người nhưng bà N không đồng ý vì bà N cho rằng chi phí vẽ hồ sơ thiết kế 3.000.000 đồng là quá cao. Sau đó thì ông không thấy nói gì đến hồ sơ thiết kế, chỉ có giấy phép xây dựng 2 tầng. Khi ông xây dựng thêm chuồng cu thì bà N, ông Hi có làm lại giấy phép xây dựng 3 tầng nhưng chỉ là thủ tục. Đúng thời gian thỏa thuận trong hợp đồng (3 tháng) ông đã bàn giao nhà cho vợ chồng ông Hi, bà N. Ngày 13/7/2012 hai bên tất toán cụ thể khối lượng công việc đã hoàn thành số tiền ông Hi bà N còn phải thanh toán cho ông: Công Đập phá và đúc 2 trụ 7.000.000 đồng; Đúc 1 bi cầu 600.000 đồng; Phả nền sau + xây hầm rút 600.000 đồng; Ốp gạch tường 2.228.000 đồng; Ốp gạch mặt tiền 595.000 đồng; đúc đan toilet 1.456.000 đồng; Lát vỉa hè 200.000 đồng; bán tôn 2.530.000 đồng; tổng diện tích mặt bằng  $208m^2 \times 550.000$  đồng = 114.400.000 đồng. Tổng cộng: 129.609.000 đồng. Ông Hi, bà N đã ứng

nhiều đợt tổng 100.000.000 đồng, ông Hi bà N còn phải thanh toán 29.609.000 đồng. Sau khi tất toán ông Hi, bà N hẹn 7 ngày sẽ thanh toán, sau đó ông Hi, bà N lại hẹn tháng 10/2012 sẽ thanh toán. Nhưng đến tháng 10 ông Hi, bà N yêu cầu ông sửa chữa rồi mới thanh toán, ông đã mua vật liệu về sửa cửa sổ theo yêu cầu của ông Hi, bà N (thực tế công việc này là của thợ cửa). Sau khi sửa cửa xong ông Hi, bà N vẫn không thanh toán tiền cho ông vì vậy ông khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Hi, bà N phải thanh toán tiền cho ông 29.609.000 đồng như giấy tất toán nợ ngày 18/7/2012. Trước đây, ông yêu cầu tính lãi chậm trả Ny ông không yêu cầu trả lãi.

Về kết quả chứng thư giám định ngày 11/9/2013 của Công ty cổ phần thẩm định giá EXIM ông không đồng ý với kết quả giám định vì quá trình giám định ông không biết và không chứng kiến. Nội dung kết quả thẩm định là không đúng thực tế. Vì ông nhận sửa chữa nhà, vật liệu xây dựng nhà do vợ chồng bà N mua nhưng thẩm định ghi nhà xây mới hoàn toàn. Chất lượng công trình phụ thuộc vào vật liệu xây dựng rất nhiều nhưng Chứng thư chỉ giám định phần thi công không giám định vật liệu xây dựng là chưa đầy đủ. Theo kết quả giám định thì giá các loại vật liệu xây dựng như gạch lát nền, sơn, xi măng và tiền nhân công... là quá cao so với thời điểm ông làm nhà cho bà N. Việc bảo dưỡng là do chủ nhà phải tưới nước bảo dưỡng hàng ngày nhưng chủ nhà không tưới nước hàng ngày hơn nữa thời tiết nắng nóng nên dẫn đến việc nứt tường chứ lỗi không phải do ông. Nhà đưa vào sử dụng từ tháng 7/2012 nhưng đến tháng 9/2013 mới giám định là không phù hợp. Về việc gạch lát nền nhà của tầng 2, 3 bị bộp ở giữa là do gạch bà N mua loại rẻ tiền, vấn đề này ông đã tư vấn cho bà N, ông Hi nhưng bà N vẫn yêu cầu ông lát gạch này cho toàn bộ nhà. Ông có đề xuất mua gạch khác để lát cho tầng trệt, hiện tầng trệt không có vấn đề gì, riêng tầng 2, 3 bị bộp ở giữa là do lỗi của chủ nhà mua gạch không chất lượng chứ không phải do ông. Ông không đồng ý với cách tính của vợ chồng ông Hi, bà N cho rằng ông đã gian lận cụ thể: Ốp gạch mặt tiền 525.000 đồng, bà N đòi trừ lại 70.000 đồng; bán tôn 1.900.350 đồng, bà N đòi trừ lại 630.000 đồng; Đúc bi cầu: 600.000 đồng, bà N đòi trừ lại 300.000 đồng; phả nền sau + xây hầm rút: 600.000 đồng bà N đòi trừ lại 300.000 đồng; lát vỉa hè: 200.000 đồng bà N đòi trừ lại 200.000 đồng. Theo ông, trước khi làm các công việc trên ông đã trao đổi cụ thể từng vấn đề, ông Hiều bà N đồng ý giá tiền thì ông mới làm như đúc một bi cầu giá 600.000 đồng, bán tôn 2.530.000 đồng; lát vỉa hè 200.000 đồng; ốp gạch mặt tiền 595.000 đồng. Những vấn đề bà N vừa nêu khi đã hoàn tất việc xây dựng nhà, hai bên đã tính tiền công ông Hi, bà N không hề có ý kiến gì Ny đòi trừ bớt là không đúng. Riêng số tiền 100.000 đồng làm đường ra cửa sắt, 200.000 đồng mua vật liệu sửa nhà ông Kha và 720.000 đồng chưa tô Toilet tuy không hợp lý nhưng không đáng kể nên ông đồng ý trừ. Vì vậy, ông yêu cầu ông Hi, bà N phải thanh toán cho ông số tiền công xây dựng còn lại  $29.609.000 \text{ đồng} - 1.020.000 \text{ đồng} = 28.589.000 \text{ đồng}$  như giấy tất toán nợ ngày 13/7/2012. Ông không đồng ý với kết quả thẩm định nên ông không đồng ý bồi thường số tiền sửa chữa 36.997.000 đồng theo yêu cầu của bà N ông Hi.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn Hi và bà Phạm Thị Thanh N thống nhất trình bày:*

Vào năm 2012, vợ chồng ông bà có nhu cầu xây dựng nhà tại Lý Thái Tổ, thành phố Q nên có làm giấy phép xây dựng nhà và hồ sơ thiết kế xây dựng đúng quy định của pháp luật, do Công ty TNHH TV TKXD Hoàng Nam thiết kế vào ngày 16/4/2012. Do có phát sinh thêm tầng 3 nên vợ chồng ông bà có nhờ vẽ thêm tầng 3 và xin giấy phép lần 2 ngày 14/6/2012. Chi phí cho việc vẽ hồ sơ thiết kế và làm giấy phép xây dựng là 1.000.000 đồng. Thực tế không có kiến trúc sư giám sát công trình, do ông O không hỏi gì về hồ sơ thiết kế nên vợ chồng ông bà không giao hồ sơ thiết kế nhà cho ông O. Ông bà thống nhất theo lời trình bày của ông O có ký kết hợp đồng xây dựng và các điều khoản trong hợp đồng là do các bên tự nguyện giao kết, vợ chồng ông bà thống nhất về tiến độ công trình và thời gian giao nhận nhà (3 tháng). Theo nội dung hai bên thỏa thuận việc xây dựng nhà thì ông O bàn giao nhà đúng thời gian thỏa thuận. Ngày 18/7/2012 ông O đã hoàn tất việc xây dựng nhà và bàn giao nhà cho vợ chồng ông bà, hai bên đã tính toán công việc đã làm, số tiền còn phải thanh toán là 29.609.000 đồng, ngày 19/8/2012 vợ chồng ông bà mới dọn về sinh sống tại nhà trên thì phát hiện ông O xây nhà không đảm bảo chất lượng và việc tính tiền công xây dựng còn chưa phù hợp vì ông O gian lận của ông bà, cụ thể: Ốp gạch mặt tiền chỉ 7,5m x 70.000đ: 525.000đ (trừ lại 70.000 đồng); bần tôn 42,23 x 45.000 đồng: 1.900.350 đồng (trừ lại 630.000đồng); đúc 1 bi cầu: 400.000 đồng (trừ lại 300.000 đồng); phá nền sau + xây hầm rút: 600.000 đồng (trừ lại 300.000 đồng); lát vỉa hè: không tính tiền (trừ lại 200.000 đồng); toilet chưa tô: trừ 720.000 đồng; 100.000 đồng làm đường ray cửa sắt và 200.000 đồng mua vật liệu sửa nhà ông Kha (do quá trình xây dựng ông O làm bần sang nhà ông Kha). Tổng cộng: 2.520.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Hi, bà N bổ sung thêm 2.000.000 đồng tiền chống thấm nhà năm 2020. Như vậy, ông bà chỉ đồng ý trả cho ông O 25.089.000 đồng (29.609.000 đồng – 4.520.000 đồng)

Ngoài ra, theo ông Hi, bà N, ngôi nhà vợ chồng bà là loại nhà cấp 4A, trụ móng kiên cố được xây dựng năm 2008. Đến năm 2012 ông bà mới thuê ông O nhận làm công xây dựng thêm phần mê đối với 2 tầng trên. Sau khi làm nhà xong thì ông bà thấy tường bị nứt lún. Do đó ông bà vẫn chưa thanh toán tiền cho ông O vì nhà xây dựng không đảm bảo chất lượng, không làm theo đúng hồ sơ thiết kế và giấy phép xây dựng, cụ thể: tầng 2 trong giấy phép xây dựng là 3,6m nhưng xây dựng đến 4,1m; tầng 3 trong giấy phép xây dựng là 3,3m nhưng xây dựng đến 3,9m; tường tầng 2 xuống móng nứt ngang 4/4m; các phòng cầu tiêu tầng 1 nứt 1m, các phòng 1, 2, 3 tầng 2 nứt dọc cộng ngang 2m; tầng 3 bị nứt dọc; nền nhà tầng trệt lát chưa đúng kỹ thuật 2 mí vênh, gạch không khớp nhau, sóng trâu; tường tô gồ ghề; trụ L trên nhỏ dưới to (25 cái L chưa tô).

Vì vậy ông Hi, bà N phản tố yêu cầu ông O phải bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng xây dựng là: 36.997.000 đồng tương ứng với chi phí sửa chữa lại,

theo kết quả giám định ngày 19/8/2013. Đồng thời yêu cầu ông O phải thanh toán chi phí giám định là 7.000.000 đồng.

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Hi ông Nguyễn Thái H và ông Nguyễn Thái B thống nhất trình bày:*

Ông Nguyễn Văn Hi là cha ruột của các ông và là đồng bị đơn trong vụ án mà ông Đỗ Văn O là nguyên đơn. Ngày 03/02/2021 ông Hi và bà Phạm Thị Thanh N đã kháng cáo toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm số: 18/2021/DS-ST ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q. Ông Hi đã chết vào ngày 18/6/2021, các ông là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hi vẫn giữ nguyên kháng cáo của ông Hi.

*Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2021/DS-ST ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q quyết định:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn O, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Hi, bà Phạm Thị Thanh N phải trả cho ông số tiền còn nợ từ hợp đồng xây dựng là: 28.589.000 đồng (hai mươi tám triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn đồng);

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của vợ chồng ông Nguyễn Văn Hi, bà Phạm Thị Thanh N về việc buộc ông Đỗ Văn O phải bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng xây dựng về chất lượng công trình với số tiền là 36.997.000 đồng (ba mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng)

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm về chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 03/02/2021, ông Nguyễn Văn Hi và bà Phạm Thị Thanh N kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2021/DS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về Tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Hi và bà Phạm Thị Thanh N. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2021/DS-ST ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q về phần nghĩa vụ trả tiền.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình thụ lý để xét xử phúc thẩm dân sự vụ án, thì đến ngày 18/6/2021 bị đơn ông Nguyễn Văn Hi chết nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình

Định đưa những người ở hàng thừa kế thứ nhất của ông Hi là ông Nguyễn Thái H và ông Nguyễn Thái B (là con ruột của ông Hi) vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hi, theo quy định tại Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo Ông Nguyễn Văn Hi và bà Phạm Thị Thanh N, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền của ông Đỗ Văn Ơ: Hợp đồng xây dựng nhà ở giữa ông Đỗ Văn Ơ và vợ chồng bà Phạm Thị Thanh N, ông Nguyễn Văn Hi là hợp pháp, theo đó ông Ơ nhận khoán xây dựng nhà cho vợ chồng ông Hi, bà N và nhận tiền công theo khối lượng công trình, còn vợ chồng ông Hi, bà N là người mua vật liệu xây dựng, thời gian bắt đầu thực hiện việc xây dựng là ngày 17/04/2012. Vợ chồng ông Hi, bà N thừa nhận ông Ơ đã xây dựng, bàn giao nhà đúng thời gian cam kết là 03 tháng là vào tháng 6/2012. Trong quá trình thi công công trình, vợ chồng ông Hi, bà N đã ứng cho ông Ơ 100.000.000 đồng. Ngày 18/7/2012 hai bên tất toán khối lượng công trình và công nợ (chứng cứ do ông Hi và bà N cung cấp ngày 02/11/2012), theo đó vợ chồng ông Hi, bà N còn phải thanh toán cho ông Ơ số tiền từ hợp đồng xây dựng là 29.609.000 đồng, vợ chồng ông Hi, bà N không có ý kiến gì, nhưng sau đó không thanh toán cho ông Ơ, là vi phạm thỏa thuận tại Điều 5 của hợp đồng: “...5, hoàn thành xong ngôi nhà bàn giao sau 1 ngày thanh toán hết...”. Vợ chồng ông Hi, bà N cho rằng ông Ơ có gian lận trong việc tính toán nên yêu cầu ông Ơ phải trừ 4.520.000 đồng vào số tiền 29.609.000 đồng chưa thanh toán, nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh. Tuy nhiên, ông Ơ đã đồng ý trừ cho vợ chồng ông Hi, bà N 1.020.000 đồng (trong đó có 100.000 đồng làm đường ray cửa sắt, 200.000 đồng mua vật liệu sửa chữa nhà ông Kha và 720.000 đồng chưa tô tolet). Do đó, cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông Hi, bà N phải thanh toán cho ông Ơ 28.589.000 đồng là có cơ sở.

[2.2] Về yêu cầu phản tố của vợ chồng ông Nguyễn Văn Hi, bà Phạm Thị Thanh N: Như đã phân tích ở tiểu mục [1.2] thì ông Ơ chỉ nhận khoán phần công xây dựng nhà ở cho vợ chồng ông Hi, bà N. Việc xây dựng là theo yêu cầu của vợ chồng ông Hi, bà N chứ không theo hồ sơ thiết kế, điều này được khẳng định qua lời khai của người làm chứng là Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng Hoàng Nm do bà Đỗ Thị Ngọc L làm đại diện có nội dung: “...Hồ sơ thiết kế công trình nhà ở mà công ty vẽ cho ông Hi và bà N nhằm mục đích để bà N xin giấy phép xây dựng, chứ thực tế công ty không phải là đơn vị nhận thiết kế để thi công công trình. Công ty cũng không xuống công trình để xem thực tế công trình của ông Hi, bà N như thế nào...”. Mặt khác, những hạng mục thi công vừa có phần xây dựng mới, vừa có phần cải tạo, nâng cấp công trình cũ đã được thỏa thuận trong hợp đồng với khối lượng công việc ông Ơ đã thực hiện, đã được hai bên ghi nhận, tất toán vào ngày 18/7/2012 và trong nội dung của hợp đồng cũng như trong suốt quá trình thực hiện, hoàn tất, bàn giao công trình hai bên cũng không có bất cứ một thỏa thuận về việc bảo hành công trình. Trong suốt quá trình thi công công trình vợ

chồng ông Hi, bà N cũng không thuê giám sát thi công kịp thời phát hiện những vấn đề có thể làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình để buộc ông O phải khắc phục sửa chữa. Hơn nữa, ông O bàn giao nhà cho vợ chồng ông Hi, bà N sử dụng vào tháng 7/2012, nhưng đến tháng 8/2013 mới thực hiện giám định nên kết quả giám định là không phù hợp với thực tế. Do đó, vợ chồng ông Hi, bà N phản tố cho rằng thiệt hại xảy ra do lỗi của ông O và yêu cầu ông O phải bồi thường 36.997.000 đồng tương ứng với chi phí sửa chữa lại công trình là không có cơ sở.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của vợ chồng ông Nguyễn Văn Hi và bà Phạm Thị Thanh N là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận. Tuy nhiên, hiện nay ông Nguyễn Văn Hi đã chết, bà Phạm Thị Thanh N là người đang quản lý, sử dụng ngôi nhà Số 10 đường Lý Thái Tổ, thành phố Q, tỉnh Bình Định, đây là tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng ông Hi, bà N và là tài sản chung hợp nhất nên một mình bà N phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung của vợ chồng cho ông O, theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2020/DS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q về phần nghĩa vụ trả tiền.

[4] về án phí, chi phí tố tụng khác:

[4.1] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì bà Phạm Thị Thanh N được miễn toàn bộ án phí.

[4.2] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí giám định là 7.000.000 đồng. Theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự thì bà Phạm Thị Thanh N phải chịu số tiền này và bà N đã ứng chi xong.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 147, 148, 161, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 283, 285, 388, 389, 390 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 107, 108, 110 Luật xây dựng năm 2003; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Hi và bà Phạm Thị Thanh N. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2020/DS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định về phần nghĩa vụ trả tiền.

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Ơ. Buộc bà Phạm Thị Thanh N phải trả cho ông Đỗ Văn Ơ 28.589.000 đồng (hai mươi tám triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn đồng) còn nợ từ hợp đồng xây dựng nhà.

**2.** Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của vợ chồng ông Nguyễn Văn Hi, bà Phạm Thị Thanh N về việc buộc ông Đỗ Văn Ơ phải bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng xây dựng về chất lượng công trình với số tiền là 36.997.000 đồng (ba mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

**3.** Về án phí, chi phí tố tụng khác:

**3.1** Về án phí:

- Hoàn trả lại cho ông Đỗ Văn Ơ 740.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 010042 ngày 08/11/2012 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

- Hoàn trả cho bà Phạm Thị Thanh N 925.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 01106 ngày 07/7/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

**3.2** Về chi phí tố tụng khác: Vợ chồng ông Nguyễn Văn Hi, bà Phạm Thị Thanh N phải chịu 7.000.000 đồng chi phí giám định. Ông Hi, bà N đã nộp chi xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND TP.Q;
- CCTHADS TP.Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Công Phương**





